

Bản án số: **256/2026/DSST**

Ngày 07/9/2026

V/v “*Kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy và bà Hoàng Thị Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Cơ sở 1, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2026/QĐST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1966; Số CCCD 008066003616. Địa chỉ: Thôn C (nay là thôn G), xã T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim O**, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố P (nay là Tổ dân phố P), phường M, tỉnh Tuyên Quang - Theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2026 tại Văn phòng C, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin vắng mặt*).

* *Bị đơn:* Bà **Hứa Thị Hải Y**, sinh năm 1988. Số CCCD: 008188002573. Địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố C), phường N, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông và bà Hứa Thị Hải Y có quen biết nhau nên bà Y đã hai lần vay tiền của ông để làm ăn. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 10/02/2017, bà Y có vay ông số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

- Lần thứ hai: Vào ngày 20/6/2017, bà Y có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Tổng cộng cả hai lần bà Y vay của ông là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Cả hai lần vay, bà Y đều là người viết giấy vay tiền, các giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất.

Ngày 08/9/2017, bà Y đã trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), ông xác định bà Y còn nợ số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Y trả số tiền còn nợ nhưng bà Y không trả.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hứa Thị Hải Y phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Hứa Thị Hải Y đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bà Y không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 06/7/2026 Tòa án nhận được Đơn yêu cầu của bà Y “*về việc: Yêu cầu tuyên bố hết thời hiệu khởi kiện*”. Nội dung đơn bà Y viết: “*Tôi nhận được Thông báo số 02/TB-TA của Tòa án Nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Tuyên Quang, ghi ngày 23/06/2026. Nội dung yêu cầu tôi: Kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải...*

Nay tôi có quan điểm như sau:

1/ Tôi không nhận được Đơn khởi kiện và bất kỳ chứng cứ nào từ người khởi kiện là ông Trần Văn T.

2/ Tôi cũng không nhận được Thông báo Thụ lý của Tòa án Nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Tuyên Quang.

3/ Về Nội dung Tòa án yêu cầu Kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ: Tôi phản bác mọi chứng cứ nếu như không được chứng minh bằng Giám định theo quy định của Pháp luật hiện hành.

4/ Tôi và ông Trần Văn T có giao dịch liên quan đến chạy Công chức và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết án tù từ 09 đến 10 năm về trước.

Do đó nay tôi làm Đơn này: Yêu cầu Nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Tuyên Quang tuyên bố hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của Pháp luật”.

Ngày 04/8/2026 Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang đã tiến hành xác minh tại gia đình bố mẹ chồng của bà Y (hiện bà Y đang sống cùng nhà bố mẹ chồng là ông Lê Đình D và bà Vũ Thị L) tại Tổ dân phố C, phường N, tỉnh Tuyên Quang, thể hiện: Ông bà đã nhận được các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/6/2026 và ngày 23/6/2026. Sau khi nhận được các giấy tờ của Tòa án gửi, ông bà đã đưa cho chị Y, việc chị Y có đến Tòa án để làm việc hay không thì ông bà không biết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hứa Thị Hải Y phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Kiện đòi tài sản*” là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ và nội dung tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 161, 235, 266, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 155, 166 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hứa Thị Hải Y có nghĩa vụ phải trả cho ông Trần Văn T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện đòi lại số tiền đã cho bị đơn Hứa Thị Hải Y vay từ năm 2017 đến nay không trả. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiện đòi tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Hứa Thị Hải Y có nơi cư trú tại tổ dân phố C, phường N, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét khoản vay không xác định thời hạn trả, khi nguyên đơn yêu cầu mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì quyền khởi kiện phát sinh. Vì vậy, nguyên đơn có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn bà Hứa Thị Hải Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Do quen biết nên ngày 10/02/2017 ông T cho bà Y vay số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và ngày 20/6/2017 ông T cho bà Y vay tiếp số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Tổng cộng cả hai lần bà Y vay của ông T là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Cả hai lần vay, bà Y đều là người viết giấy vay tiền, các giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất.

Ngày 08/9/2017, bà Y đã trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), ông T xác định bà Y còn nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Y trả số tiền còn nợ nhưng bà Y không trả.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Hứa Thị Hải Y phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Ông T không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với các nội dung tại Đơn yêu cầu của bà Y về việc đề nghị Tòa án tuyên bố hết thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- *Bà Y cho rằng bà không nhận được đơn khởi kiện và bất kỳ chứng cứ nào từ người khởi kiện:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt cho bà Hứa Thị Hải Y Thông báo thụ lý vụ án số 134/TB-TLVA ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, bưu cục phát đã giao cho ông Lê Đình D là bố chồng chị Y ký nhận, theo dấu Bưu cục ngày 04/6/2026 (nội dung này đã được thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 04/8/2026 - bút lục số 61). Bản thân bà Y đã nhận được Thông báo số 02/TB-TA ngày 23/6/2026 về việc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Y không đến Tòa án để thực hiện quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Bà Y phản bác mọi chứng cứ nếu như không được chứng minh bằng Giám định theo quy định của Pháp luật hiện hành;* giữa bà và ông Trần Văn T có giao dịch liên quan đến chạy công chức và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết án tù từ 09 đến 10 năm về trước. Do bà Hứa Thị Hải Y không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết về các nội dung này.

- Bà Y đề nghị Tòa án tuyên bố hết thời hiệu khởi kiện: Ngày 06/7/2026 Tòa án nhận được Đơn yêu cầu tuyên bố hết thời hiệu khởi kiện của bà Hứa Thị Hải Y, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nội dung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Hứa Thị Hải Y phải trả lại số tiền đã vay của nguyên đơn theo các giấy vay tiền ngày 10/02/2017 và ngày 20/6/2017, các giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ và không có thỏa thuận về lãi suất. Theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp: *Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*. Như vậy, trong trường hợp này nguyên đơn có quyền “Đòi lại tài sản” (là tiền) đã cho bị đơn vay là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, bà Hứa Thị Hải Y yêu cầu tuyên bố hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà Hứa Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Các Điều 149, 155, 166, 466, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với bà Hứa Thị Hải Y về việc *K đòi tài sản*.

Xử buộc bà Hứa Thị Hải Y có nghĩa vụ phải trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

2. Về án phí:

- Bà Hứa Thị Hải Y phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Trần Văn T được miễn toàn bộ tiền án phí do là người cao tuổi.

Khoản tiền phải trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/9/2026); bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4,6,7,36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025"./. "

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn